

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ ĐỨC PHỔ
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 11 - 8 - 2023

V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐỨC PHỔ, TỈNH QUẢNG NGÃI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Minh Trung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Hòa

2. Bà Bùi Thị Cẩm

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Minh Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Ông Lê Trung Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 23/2023/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2023 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 568/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 744/2023/QĐST-DS ngày 21 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Võ Đình Q, sinh năm 1992

Địa chỉ: Tổ dân phố Phần T, phường Phổ Q, thị xã Đ, tỉnh Q.

Bị đơn: Chị Châu Thị Mỹ D, sinh năm 1995

Địa chỉ: Thôn An Th, xã Phổ A, thị xã Đ, tỉnh Q.

Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 08/01/2023, bản tự khai nguyên đơn anh Võ Đình Q trình bày:

Anh và chị Châu Thị Mỹ D tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 15/7/2022 tại UBND phường Phổ Quang. Vợ chồng sống hạnh phúc thời gian ngắn tại nhà cha mẹ ruột của anh thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã. Từ tháng 10/2022 vợ chồng sống ly thân mãi đến nay. Anh Q xác định vợ chồng không còn tình cảm, anh không thể hàn gắn để tiếp tục sống chung với chị D nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh ly hôn với chị D.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về nợ chung: Không có

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng dân sự cho chị Châu Thị Mỹ D nhưng chị D không có văn bản trình bày ý kiến của mình gửi Tòa án, đồng thời chị D cũng không đến Tòa án tham gia tố tụng theo luật định.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên theo quy định tại Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự:

Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng. Nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng. Bị đơn không chấp hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử cho anh Q được ly hôn chị D; anh Q không yêu cầu giải quyết tài sản chung, anh Q khai không có nợ chung nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn anh Võ Đình Q có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn chị Châu Thị Mỹ D ở thôn An Th, xã Phổ A, thị xã Đ, tỉnh Q nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

[2] Về tố tụng: Bị đơn chị Châu Thị Mỹ D đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do; nguyên đơn anh Võ Đình Q có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Về hôn nhân: Anh Võ Đình Q và chị Châu Thị Mỹ D tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 15/7/2022 tại Ủy ban nhân dân phường Phổ Quang, do vậy quan hệ hôn nhân giữa anh Q và chị D là hoàn toàn hợp pháp. Trong thời gian chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm

sống, vợ chồng thường hay cãi vã; mâu thuẫn không có hướng khắc phục. Anh Q và chị D sống ly thân từ tháng 10/2022 đến nay và cả hai bên đều đã không còn quan tâm đến nhau. Tòa án đã tiến hành hòa giải để vợ chồng về sống đoàn tụ nhưng chị D không tham gia. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa anh Q và chị D đã ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy căn cứ vào các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử cho anh Q được ly hôn chị D.

[4] Về con chung: Vợ chồng anh Q và chị D không có con chung nên không xét.

[5] Về tài sản chung: Anh Q không yêu cầu Tòa giải quyết nên Tòa không xét.

[6] Về nợ chung: Anh Q khai không có nên Tòa không xét.

[7] Về án phí: Căn cứ theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, anh Võ Đình Q phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn; được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp

[8] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ các Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội,

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho anh Võ Đình Q được ly hôn chị Châu Thị Mỹ D.

2. Về con chung: Vợ chồng anh Q và chị D không có con chung nên không xét.

3. Về tài sản chung: Anh Q không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không xem xét.

4. Về nợ chung: Anh Q khai không có nên không xét.

5. Về án phí: Anh Võ Đình Q phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn; được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng

án phí anh Q đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí số 0004195 ngày 16 tháng 02 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND thị xã Đức Phổ;
- Chi cục THADS thị xã Đức Phổ;
- Các đương sự;
- UBND phường Phổ Quang;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Minh Trung

